

Bản án số: 06/2024/HS-ST

Ngày 06-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Văn Doanh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Khiêm.

Ông Nông Văn Tường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1985, tại K - P - Thái Nguyên.

Nơi đăng ký thường trú: Xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị S1; vợ: Lê Thị C; con: Nguyễn Tiến T, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện H. Có mặt.

Bị hại:

- Nông Trung N, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Thẩm Văn D, sinh năm 1980.

Tạm trú tại: Xóm N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;
Hộ khẩu thường trú: Số C S, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.
Tạm trú tại: Xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
Có uỷ quyền bằng văn bản ghi ngày 06/3/2024 cho anh: Ngô Văn T1, sinh năm 1990, tạm trú tại: Xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
- Nguyễn Cao C1, sinh năm 1983
Tạm trú tại: Xóm N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
Người làm chứng: Anh Nông Văn L, sinh năm 1995.
Trú tại: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/11/2023, Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng nhận được đơn trình báo của anh Thảm Văn D về việc chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α có biển số 11G1 - 014.55 để trước sân nhà tại xóm N bị mất trộm. Công an đã tiến hành xác minh và xác định được: Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1985 trú tại xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến làm thuê tại công trình xây chợ mới huyện H, tỉnh Cao Bằng là người trộm cắp chiếc xe của anh D vào khoảng 12 giờ ngày 24/10/2023. Sau khi trộm, Q điều khiển xe đến đỉnh đèo M, thuộc xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng bán xe cho anh Ngô Văn T1, là người làm thuê tại cửa hàng mua bán, trao đổi xe máy cũ, mới H với giá 4.500.000 đồng. Mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện hạ L chứng minh được: Trước khi trộm cắp xe của anh D, vào lúc 11 giờ ngày 24/10/2023 Q đi bộ từ phố H lên xóm Đ, khi quay về đi qua nhà anh Nông Trung N ở ngay đầu phố, phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE S có biển kiểm soát 20E1-017.61 để trong nhà bếp, chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ điện. Quan sát không có ai, Q vào dắt xe trôi dốc về nơi ở trọ, tháo biển số rồi nổ máy đem xe đi bán. Khi đến chợ tạm, xe hết xăng nên Q đã nhờ Nông Văn L1 là người cùng làm thuê giúp đẩy xe đi mua xăng, khi Q nhìn thấy hiệu sửa xe ở ven đường nên đã bảo L1 đi về trước, còn Q tự dắt xe đến hiệu sửa xe có đặt vấn đề bán xe nhưng chủ hiệu không mua nên Q dắt xe quay lại. Khi dắt xe về được khoảng 30 mét, phát hiện chiếc xe của anh Thảm Văn D để trước nhà, chìa khoá vẫn cắm ở ổ điện, Thấy không có ai Q để lại chiếc xe của anh N vào dắt xe và điều khiển chiếc xe của anh D đến đèo M bán xe cho anh T1.

Ngày 02/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định định giá tài sản đối với 02 chiếc xe bị trộm cắp. Tại kết luận số 28/KL-HĐĐGTS, ngày 06/12/2023 đã kết luận: Chiếc xe HONDA WAVE α của anh D được định giá là 7.500.000 đồng, chiếc xe HONDA WAVE S của anh N được định giá là 5.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Q đã chiếm đoạt là

13.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSHL ngày 25/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nguyễn Trọng Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên toà:

- Anh Thẩm Văn D trình bày: Khi xe bị mất trộm, trong cốp xe có các loại giấy tờ gồm: Giấy đăng ký xe máy, giấy phép lái xe, bảo hiểm y tế, căn cước công dân của cá nhân anh, hiện nay xe đã được Cơ quan điều tra trả lại kèm theo giấy đăng ký, còn thẻ bảo hiểm y tế, căn cước công dân đã được cấp lại nhưng giấy phép lái xe do không còn hồ sơ gốc, cần sẽ phải thi lại nên bị cáo phải có trách nhiệm thanh toán tiền hồ sơ, tiền đi lại để thi lấy giấy phép mới là 1.000.000 đồng. Trước khi được trả xe, vào ngày 20/12/2023 anh Nguyễn Cao C1 (anh trai của bị cáo) đã chủ động đến gặp và thoả thuận bồi thường chiếc xe bằng giá trị với số tiền là 10.000.000 đồng, nếu xe được tìm thấy xe giao xe cho anh C1 sở hữu. Tuy nhiên, tại phiên toà không có mặt anh C1 nên không yêu cầu Toà án phải xem xét, nếu có tranh chấp về xe sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Anh Nông Trung N trình bày: Xe bị mất trộm đã được Cơ quan điều tra Công an huyện H trả lại ngày 24/01/2024, biển số xe đã được tìm thấy và trả ngay sau đó, khi giao nhận xe có bị vỡ yếm sau do tháo biển số nhưng xét thấy thiệt hại không đáng kể nên không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Anh Ngô Văn T1 trình bày: Anh là người mua xe cho cửa hàng mua bán xe máy cho cửa hàng H1, khi mua xe do người bán cung cấp được giấy đăng ký và có căn cước công dân của người bán nên không biết đó là xe trộm, nay yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền 4.500.00 đồng cho cửa hàng trao đổi xe máy mới và cũ H.

Bị cáo Nguyễn Trọng Q thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang phản ánh đúng các hành vi mà bị cáo đã thực hiện là đúng, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày là đúng sự thật, bị cáo có trách nhiệm thanh toán số tiền bán xe cho cửa hàng H1 là 4.500.000 đồng, bồi thường cho anh Thẩm Văn D số tiền 1.000.000 đồng để anh D đi thi lấy lại giấy phép lái xe. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại hay tố cáo đối với các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52 với tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần; áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS với tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do tội phạm gây ra và bị cáo đã thành khẩn khai báo. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Q phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt từ 09 tháng đến 15

tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 587, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo trả lại số tiền 4.500.000 đồng cho anh Ngô văn T2 và 1.000.000 đồng cho anh Thẩm Văn D.

Bị cáo Q không có ý kiến bào chữa, nhất trí với các quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi mà bị cáo đã thực hiện và các yếu tố cấu thành tội phạm: Do cần có tiền để sử dụng cho nhu cầu cá nhân, khi đang làm công nhân cho công trình chợ mới tại phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, Nguyễn Trọng Q đi bộ từ nơi ở trọ thuộc phố H lên xóm Đ với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi quay về, qua đầu phố thấy có 01 xe máy để trong bếp, chìa khoá vẫn cắm trong ổ điện, quan sát không có ai Q vào dắt xe ra, đề nổ nhưng không được nên trôi dạt về nơi ở trọ, sau đó tháo biển số nhằm che giấu và điều khiển xe đi bán. Lúc đến chợ tạm xe bị tắt máy, Q nhìn thấy Nông Văn L là người cùng làm thuê đang đi cắt tóc, Q liền nhờ L giúp đẩy xe để đi mua xăng, đi được một đoạn nhìn thấy một hiệu sửa chữa xe máy nên Q bảo L đi về, rồi tự dắt xe vào hiệu và đặt vấn đề bán xe nhưng chủ hiệu không mua, nên Q đành dắt xe quay về xóm trọ, vừa đi được khoảng 30 mét, phát hiện có chiếc xe nhãn hiệu HONDA WAVE α có biển kiểm soát 11 G1-014.55 để trước cửa nhà anh Thẩm Văn D, xe trong trạng thái chìa khoá vẫn cắm ở ổ điện, quan sát không có ai Q liền bỏ xe đã trộm trước đó rồi vào dắt xe của anh D ra nổ máy và điều khiển xe đến đèo M, thuộc xã Q, huyện Q bán xe cho anh Ngô Văn T1 là người đang trông coi cho cửa hàng H1 với giá 4.500.000 đồng. Bán được xe, Q đi về quê tại xã K, huyện P cho đến ngày 01/12/2023 thì bị bắt giữ. Giá trị tài sản mà Q đã chiếm đoạt gồm 02 xe máy, trong đó có 01 xe được định giá là 7.500.000 đồng, 01 xe được định giá là 5.500.000 đồng. Khi chiếm đoạt tài sản, Q có ý thức che giấu hành vi đối với người quản lý tài sản và thực hiện lấy tài sản một cách lén lút. Theo pháp luật hình sự thì hành vi này bị coi là trộm cắp tài sản. Khi thực hiện hành vi trộm cắp, Q là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của những người bị hại, đồng thời gây mất trật tự an ninh tại địa phương, khiến cho quần chúng nhân dân hết sức lo lắng, bất bình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đối với Nông Văn L, có hành vi giúp bị cáo đẩy xe để đi mua xăng nhưng L không biết đó là xe trộm; đối với Ngô Văn T1, là người mua xe với bị cáo Q nhưng khi mua xe do Q xuất trình được giấy tờ gốc và lập giấy tờ mua bán có căn cước công dân của Q nên việc mua bán được coi là ngay thẳng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này là có cơ sở.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong lần phạm tội này, Q có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, vì 02 chiếc xe mà Q trộm cắp đều đã được dịch chuyển khỏi tầm kiểm soát của chủ sở hữu và đều có đầy đủ các yếu tố cấu thành của một tội phạm độc lập. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, đó là người phạm tội đã tác động với gia đình khắc phục hậu quả cho người bị mất tài sản được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều thành khẩn khai báo được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, cần được áp dụng khi quyết định mức hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, do tình hình trộm cắp tại địa phương xảy ra nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự:

Tài sản bị trộm cắp là chiếc xe HONDA WAVE S có biển kiểm soát là 20E1-017.61 được xác định là tài sản của anh Nông Trung N, xe và biển số bị tháo rời đã được Cơ quan điều tra trả vào ngày 17/01/2024. Tại phiên tòa, anh N không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với chiếc xe HONDA WAVE α có biển kiểm soát 11 G1-014.55 được xác định là tài sản của anh Thắm Văn D, xe đã được Cơ quan điều tra thu hồi để trả cho anh D vào ngày 17/01/2024. Tại Cơ quan điều tra, giữa anh D và anh Nguyễn Cao C1 đã có thỏa thuận riêng về việc xử lý giá trị của chiếc xe và tại phiên tòa anh D không yêu cầu xem xét, nếu có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng mà cửa hàng H1 đã bỏ ra mua xe, xét thấy việc mua bán là ngay thẳng, vì khi mua có yêu cầu người bán xuất trình giấy đăng ký và căn cước công dân của người bán, việc bị cáo sử dụng số tiền bán xe để tiêu sài là không có căn cứ pháp luật, nên bị cáo phải có trách nhiệm trả lại khoản tiền này.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng mà anh D yêu cầu bị cáo phải bồi thường để đi thi lấy giấy phép lái xe là có căn cứ và được bị cáo chấp nhận nên bị cáo phải bồi thường số tiền này.

[5] Về án phí: Bị cáo là người bị kết tội và phải bồi thường về mặt dân sự nên phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Q 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/12/2023.

3. Về vật chứng: Xác nhận ngày 17/01/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện H đã trả 01 chiếc xe máy có nhãn hiệu HONDA WAVE S có biển kiểm soát là 20E1-017.61 cho anh Nông Trung N, trú tại phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; trả 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α có biển kiểm soát 11 G1-014.55 cho anh Thắm Văn D, tạm trú tại: Xóm N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng 587, 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Q có trách nhiệm bồi thường 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho anh Ngô Văn T1, tạm trú tại: Xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Q có trách nhiệm bồi thường 1.000.000đ (một triệu đồng) cho anh Thắm Văn D, tạm trú tại: Xóm N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

6. Về quyền kháng cáo Bản án: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- Công an huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND nơi bị cáo cư trú (bằng t/b);
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lục Văn Doanh